

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 266/2024/DS-ST

Ngày: 28 - 11 - 2024

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Chánh;
- Bà Thiều Thị Phi Loan.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tôn Hoài Anh Tuyển - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 719/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 327/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 1604/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2024; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 1261/TB-TA ngày 25 tháng 10 năm 2024; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 1295/TB-TA ngày 13 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh **Trương Vũ H**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Tổ D, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh **Nguyễn Hoàng**

Minh T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: G đường L, khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Anh **Bùi Hoàng T1**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: B H, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T, anh T1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Anh H có mối quan hệ bạn bè thân thiết với anh Bùi Hoàng T1. Để có thêm vốn làm ăn, anh T1 hỏi vay tiền của anh H 02 lần và được anh H đồng ý cho vay.

Lần đầu vào khoảng tháng 01 năm 2016, anh H và anh T1 thỏa thuận viết giấy nợ. Theo đó, anh T1 mượn anh H số tiền 100.000.000 đồng với lý do để làm ăn, lãi suất được tính theo lãi suất ngân hàng Nhà nước. Anh T1 mới chỉ trả tiền lãi khoảng 700.000 đồng/tháng, còn số tiền gốc 100.000.000 đồng anh T1 chưa trả cho anh H.

Lần hai, vào ngày 26 tháng 4 năm 2016, anh T1 muốn mượn thêm 200.000.000 đồng với lý do làm ăn. Hai bên thỏa thuận thời gian mượn là 27 tháng, tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 352.000.000 đồng (anh T1 trả cho anh H 13.000.000 đồng/tháng). Do đó, anh H đã đưa lại cho anh T1 giấy nợ tháng 01 năm 2016 và yêu cầu anh T1 viết Giấy nợ ngày 26 tháng 4 năm 2016. Toàn bộ nội dung giấy nợ trên do anh T1 tự nguyện viết và ký tên, thời điểm viết giấy nợ chỉ có anh H và anh T1, không có ai khác chứng kiến. Sau khi viết giấy nợ, anh H đã giao đủ tiền cho anh T1. Đối với số tiền 50.000.000 đồng mà anh T1 cho rằng mượn anh H sau thời điểm ghi giấy nợ ngày 26 tháng 4 năm 2016 thực tế là 250.000.000 đồng. Anh T1 hỏi mượn thêm với lý do nợ nần và muốn anh H đứng ra bảo lãnh giải quyết khoản nợ. Hai bên thỏa thuận miệng, không ghi nhận lại bằng văn bản nên anh không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Sau khi anh H đưa 250.000.000 đồng cho anh T1, anh T1 nhận tiền rồi bỏ đi, không liên lạc với anh H nữa.

Sau đó, anh H nhiều lần liên hệ với anh T1 để yêu cầu anh T1 thực hiện đúng theo Giấy nợ ngày 26 tháng 4 năm 2016 nhưng anh T1 xin hẹn lại, sau đó cố tình né tránh không chịu trả. Từ thời điểm viết Giấy nợ cho đến nay, anh T1 chưa trả cho anh H bất kỳ khoản tiền gốc hay tiền lãi nào. Các tài liệu, chứng cứ

là các đoạn tin nhắn trên ứng dụng Messenger với tài khoản có tên “Hào Trương”, “Trương Vũ H” không phải là tài khoản Facebook của anh H và cũng không liên quan đến anh H. Thực tế, anh H chỉ sử dụng tài khoản Facebook có tên người dùng là “Hào Trương” và đã được sử dụng từ năm 2011 cho đến nay, không có thay đổi tên người dùng hay khóa tài khoản theo như anh T1 trình bày.

Thực tế, anh T1 có rủ anh H đi đánh bài nhiều lần nhưng anh H không đi. Việc anh T1 cho rằng anh H rủ anh T1 đi đánh bài vào ngày 25 tháng 4 năm 2016 là không đúng sự thật. Việc anh T1 cho rằng anh H làm cái thay cho anh T1 và thua hết 300.000.000 đồng, sau đó yêu cầu anh T1 ghi giấy nợ ngày 26 tháng 4 năm 2016, nếu không ghi giấy thì bên đánh bài sẽ qua đánh anh T1 cũng không đúng sự thật.

Trước đây, nguyên đơn anh Trương Vũ H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xem xét buộc anh Bùi Hoàng T1 trả lại cho anh H số tiền là 352.000.000 (ba trăm năm mươi hai triệu) đồng theo đúng Giấy nợ đã ký ngày 26 tháng 4 năm 2016. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh H đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh T1 trả số tiền gốc 300.000.000 đồng theo Giấy nợ.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất, biên bản hóa giải và tại phiên phiên tòa, bị đơn trình bày:

Vào khoảng ngày 25 tháng 4 năm 2016, Anh Trương Vũ H có rủ anh đi đánh bài bên đường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh đồng ý và mang theo số tiền khoảng 23.000.000 đồng đến 26.000.000 đồng. Ở chỗ đánh bài, anh chỉ quen biết anh H, ngoài ra không quen biết thêm ai khác, những người bạn ở cùng nhà cũng không biết và không đi cùng. Sau khi chơi bài được vài ván, anh hết tiền nên ra ngoài để anh H làm cái thay. Sau khi đánh bài về, anh H báo lại việc làm cái thay cho anh và thua hết 300.000.000 đồng. Anh H bắt anh ghi và ký tên vào Giấy nợ ngày 26 tháng 4 năm 2016, nếu không thì bên sòng bài sẽ qua đánh anh. Chữ viết và chữ ký trong giấy nợ này là của anh, nội dung giấy nợ do anh H đọc cho anh viết. Anh H chỉ đe dọa, không dùng hung khí hay gọi người uy hiếp anh. Việc anh H đe dọa anh ghi giấy không ai chứng kiến hay được biết. Do sợ bị đánh và không biết có được cơ quan công an bảo vệ quyền lợi cho anh hay không nên sau đó anh không trình báo cho cơ quan công an.

Thực tế, anh chỉ mượn anh H số tiền 50.000.000 đồng để làm ăn. Thời điểm mượn tiền là sau khi ghi Giấy nhận nợ mấy ngày. Hai bên thỏa thuận trực tiếp chứ không có giấy tờ. Nội dung thỏa thuận cụ thể anh sẽ trả cho anh H số tiền 13.000.000 đồng/tháng trong vòng 4 tháng, tổng cộng là 52.000.000 đồng,

trong đó 2.000.000 đồng là tiền cảm ơn chứ không phải là tiền lãi. Anh đã trả nợ theo như thỏa thuận vào các tháng 5, 6 năm 2016. Đến tháng 7, 8 năm 2016, do kết tiền nên anh không trả nợ cho anh H được. Đến ngày 14, 15 tháng 9 năm 2016, anh H có hỏi anh về số tiền sinh hoạt trong nhà mà anh đã ứng trước cho anh H, anh đã trả lời anh H số tiền tổng cộng là 15.750.000 đồng và nói anh H cần trừ số tiền trả nợ là 13.000.000 đồng, yêu cầu anh H đưa lại cho anh số tiền 2.750.000 đồng. Tuy nhiên, anh H đã đưa lại cho anh số tiền 2.750.000 đồng hay chưa thì anh không nhớ rõ. Đến tháng 10 năm 2016, anh đã trả xong khoản nợ trên cho anh H, không còn nợ anh H khoản tiền nào nữa. Những lần trả nợ trên đều không ghi lại giấy tờ, không có ai khác chứng kiến.

Anh không thể cung cấp cho Tòa án vi bằng thừa phát lại đối với các tin nhắn trên ứng dụng Messenger giữa anh với tài khoản Facebook có tên người dùng là “Hào Trương”, “Trương Vũ H” do tài khoản Facebook nêu trên đã bị anh H đổi tên người dùng thành “Người dùng tạm nghỉ” và hiện nay tài khoản trên đã bị khóa.

Do đó, anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh H vì Giấy nợ ngày 26 tháng 4 năm 2016 là do trước đây anh đã bông bột ký vào, số tiền 300.000.000 đồng là do anh H đánh bạc thua nên anh H tự chịu. Thực tế, anh không mượn anh H số tiền 300.000.000 đồng mà chỉ mượn 50.000.000 đồng và đã trả cho anh H 52.000.000 đồng. Ngoài ra, anh không còn nợ anh H khoản tiền nào nữa.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định; Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Vũ H đối với bị đơn anh Bùi Hoàng T1. Buộc anh Bùi Hoàng T1 có nghĩa vụ trả nợ cho anh Trương Vũ H tổng số tiền là 300.000.000 đồng theo như

Giấy nợ ngày 26 tháng 4 năm 2016; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi với số tiền 52.000.000 đồng.

+ Về án phí: Bị đơn anh Bùi Hoàng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về tư cách tố tụng, quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Anh Trương Vũ H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Bùi Hoàng T1, địa chỉ cư trú: B H, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, trả tiền gốc và lãi theo Giấy nợ ngày 26 tháng 4 năm 2016 với số tiền 352.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 52.000.000 đồng và chỉ yêu cầu anh T1 trả lại số tiền gốc 300.000.000 đồng theo như Giấy nợ trên. Căn cứ theo quy định tại các điều 26, 35, 39 và 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, anh H được xác định là nguyên đơn, anh T1 được xác định là bị đơn trong vụ án; quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp đòi lại tài sản”; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Đối với yêu cầu trả số tiền gốc:

Xét thấy, theo tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp thể hiện ngày 26 tháng 4 năm 2016, anh Bùi Hoàng T1 có ghi Giấy nợ với nội dung mượn của anh Trương Vũ H số tiền 300.000.000 đồng, hứa mỗi tháng trả cho anh H số tiền 13.000.000 đồng và trong vòng 27 tháng sẽ trả hết với tổng số tiền 352.000.000 đồng.

Bị đơn anh Bùi Hoàng T1 cho rằng chữ ký và chữ viết trong Giấy nợ ngày 26 tháng 4 năm 2016 là chữ ký và chữ viết của anh T1. Tuy nhiên, số tiền 300.000.000 đồng ghi trong Giấy nợ là số tiền khi đánh bài anh H làm cái thay cho anh T1 và bị thua, sau đó ép buộc và đe dọa bắt anh T1 ghi Giấy nợ ngày 26 tháng 4 năm 2016. Trên thực tế, anh T1 chỉ mượn anh H số tiền 50.000.000 đồng để làm ăn vào thời điểm sau khi ghi giấy nợ mấy ngày. Hai bên thỏa thuận

trực tiếp, không có giấy tờ. Cụ thể, anh T1 sẽ trả 13.000.000 đồng/tháng trong vòng 04 tháng, tổng cộng là 52.000.000 đồng, trong đó 2.000.000 đồng là tiền cảm ơn chứ không phải là tiền lãi. Anh T1 đã trả nợ theo như thỏa thuận vào các tháng 5, 6 năm 2016. Đến tháng 7, 8 năm 2016 do kẹt tiền nên anh T1 không trả nợ cho anh H được. Tháng 9 năm 2016, anh H có nhắn tin đòi tiền nhưng lúc đó anh H cũng đang thiếu tiền mua đồ trong nhà hơn 15.000.000 đồng nên anh T1 yêu cầu cản trừ qua tiền nợ. Đến tháng 10 năm 2016, anh T1 đã trả xong khoản nợ trên cho anh H. Những lần trả nợ trên đều không ghi lại giấy tờ.

Đối với những nội dung trình bày nêu trên thì anh T1 không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh số tiền ghi trong Giấy nợ là tiền đánh bài; anh T1 bị anh H đe dọa dùng vũ lực, ép buộc ghi Giấy nợ; việc vay cũng như trả tiền đối với số tiền vay 50.000.000 đồng của anh H. Đồng thời, anh H cũng có ý kiến trình bày không đồng ý đối với toàn bộ nội dung anh T1 trình bày, việc vay mượn giữa các bên là tự nguyện và anh T1 chưa trả cho anh H bất cứ khoản tiền nào.

Về các tài liệu, chứng cứ là các đoạn tin nhắn trên ứng dụng Messenger, bị đơn anh Bùi Hoàng T1 cho rằng đây là các đoạn tin nhắn giữa anh T1 với anh H, anh H lấy tên tài khoản Facebook là “Hào Trương” và “Trương Vũ H”. Theo đó, anh T1 cho rằng nội dung các đoạn tin nhắn nêu trên thể hiện anh H yêu cầu anh T1 trả số tiền 50.000.000 đồng; số tiền anh T1 trả hàng tháng cho anh H là 13.000.000 đồng và đã trả hết; số tiền 300.000.000 đồng anh H yêu cầu anh T1 trả là tiền đánh bài anh H thua.

Đối với các tài liệu, chứng cứ nêu trên thể hiện, nội dung các tin nhắn không ghi cụ thể số tiền của khoản vay nào; các tin nhắn ngắt quãng, không liên mạch về thời gian; tài khoản sử dụng không thể hiện số điện thoại người dùng. Tòa án đã cho phía bị đơn anh Bùi Hoàng T1 thời gian để cung cấp Vi bằng thừa phát lại đối với các tin nhắn trên ứng dụng Messenger, tuy nhiên anh T1 không cung cấp được và cũng không chứng minh được anh H là chủ của các tài khoản Facebook tên “Hào T2” và “Trương Vũ H”. Đồng thời, nguyên đơn anh Trương Vũ H xác định các tài khoản Facebook tên “Hào Trương”, “Trương Vũ H” anh T1 cung cấp không phải tài khoản Facebook của anh H, nội dung tin nhắn Messenger không phải của anh và anh không liên quan.

Xét thấy, anh T1 không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc anh T1 chỉ vay anh H số tiền 50.000.000 đồng và đã trả hết số tiền này; Giấy nợ số tiền 300.000.000 đồng là do anh H ép buộc anh T1 viết và ký

liên quan đến việc đánh bài. Anh H không thừa nhận toàn bộ nội dung trình bày cũng như các tài liệu, chứng cứ anh T1 cung cấp. Mặt khác, anh T1 cho rằng không trình báo việc anh T1 bị anh H đe dọa ép ký Giấy nợ ngày 26 tháng 4 năm 2016 cho cơ quan công an vì sợ bị đánh và sợ không được cơ quan Công an bảo vệ nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan là không có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Vũ H đối với bị đơn anh Bùi Hoàng T1 về việc trả số tiền vay gốc 300.000.000 đồng

[2.2] Đối với yêu cầu trả số tiền lãi:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Trương Vũ H yêu cầu bị đơn anh Bùi Hoàng T1 phải trả số tiền gốc và lãi theo Giấy nợ ngày 26 tháng 4 năm 2016 tổng cộng là 352.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 52.000.000 đồng, xác định chỉ yêu cầu anh T1 trả số tiền gốc còn nợ là 300.000.000 đồng, không yêu cầu số tiền lãi theo như đơn khởi kiện.

Xét thấy, việc anh H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi 52.000.000 đồng của số tiền vay 300.000.000 đồng là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Bùi Hoàng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên cần chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 68, 147, 227, 228, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 357, 429, 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có hiệu lực ngày 15 tháng 3 năm 2019.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Vũ H đối với bị đơn anh Bùi Hoàng T1 về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Buộc bị đơn anh Bùi Hoàng T1 có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn anh Trương Vũ H số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Vũ H đối với bị đơn anh Bùi Hoàng T1 về số tiền lãi 52.000.000 đồng.

3. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn anh Bùi Hoàng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận với số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn anh Trương Vũ H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 8.800.000đ (tám triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004807 ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và các điều 7, 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Bảo